

**BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG****BỘ BƯU CHÍNH,  
VIỄN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/2005/QĐ-BBCVT

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2005

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng  
tài nguyên Internet****BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG**

*Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;*

*Căn cứ Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về quản lý cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet;*

*Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Viễn thông,*

định này “Quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Quyết định này thay thế Quyết định số 92/2003/QĐ-BBCVT ngày 26 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông; các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động Internet ở Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**QUYẾT ĐỊNH:****BỘ TRƯỞNG****Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết**Đỗ Trung Tá**

**BỘ BƯU CHÍNH,  
VIỄN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY ĐỊNH**  
**VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN INTERNET**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 27/2005/QĐ-BBCVT*

*ngày 11 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng*

*Bộ Bưu chính, Viễn thông)*

*Chương I*

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy định này điều chỉnh việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet đối với mọi tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực Internet tại Việt Nam.

**Điều 2.** Tài nguyên Internet

1. Tài nguyên Internet là một phần của tài nguyên thông tin quốc gia phải được quản lý, khai thác, sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

2. Nghiêm cấm sử dụng tài nguyên Internet vào mục đích chống lại nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây rối an ninh, kinh tế, trật tự, an toàn xã hội, vi phạm thuần phong mỹ tục của dân tộc, xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và cản trở bất hợp pháp hoạt động của hệ thống máy chủ tên miền (DNS) quốc gia. Nghiêm cấm việc chuyển nhượng, cho thuê, bán lại tài nguyên Internet dưới bất kỳ hình thức nào.

3. Tài nguyên Internet có liên quan đến hoạt động của các cơ quan, tổ chức Đảng, Nhà nước phải được ưu tiên bảo vệ và không được xâm phạm.

**Điều 3.** Cơ quan quản lý tài nguyên Internet

Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) là đơn vị trực thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông thực hiện chức năng quản lý, giám sát, thúc đẩy và hỗ trợ việc sử dụng tài nguyên Internet ở Việt Nam.

**Điều 4.** Phí và lệ phí

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng tài nguyên Internet có trách nhiệm nộp phí và lệ phí trước khi tài nguyên đi vào hoạt động hoặc tiếp tục duy trì hoạt động. Trung tâm Internet Việt Nam hướng dẫn việc nộp phí và lệ phí theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

**Điều 5.** Các thuật ngữ

Các thuật ngữ sử dụng trong bản Quy định này được hiểu như sau:

1. Tài nguyên Internet bao gồm hệ thống các tên và số dùng cho Internet được ấn định thống nhất trên phạm vi toàn cầu. Tài nguyên Internet bao gồm:



- a) Tên miền (DN);
- b) Địa chỉ Internet hay còn gọi là địa chỉ IP;
- c) Số hiệu mạng (ASN);
- d) Số và tên khác theo quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông.

**2. Tên miền là tên được sử dụng để định danh các địa chỉ Internet. Tên miền bao gồm:**

- a) Tên miền cấp cao nhất.

Tên miền cấp cao nhất (TLD) gồm tên miền chung cấp cao nhất (gTLD) và tên miền quốc gia cấp cao nhất (ccTLD).

Tên miền chung cấp cao nhất (gTLD) bao gồm các tên miền sau: .COM; .NET; .EDU; .ORG; .INT; .BIZ; .INFO; .NAME; .PRO; .AERO; .MUSEUM; .COOP và những tên miền chung cấp cao nhất khác theo quy định của các tổ chức quốc tế có thẩm quyền về tài nguyên Internet.

Tên miền quốc gia cấp cao nhất (ccTLD) bao gồm các tên miền được quy định theo chuẩn quốc tế về mã quốc gia [ISO3166]. Các tên miền quốc gia cấp cao nhất thay đổi khi có thêm các quốc gia, lãnh thổ mới hoặc khi sáp nhập các quốc gia lại với nhau.

- b) Tên miền cấp 2, cấp 3, cấp 4, cấp 5 là các tên miền theo trật tự nằm dưới tên miền cấp cao nhất.

**3. Địa chỉ Internet là địa chỉ mạng của thiết bị, máy chủ bao gồm các thế hệ địa chỉ IPv4, IPv6 và các thế hệ địa chỉ mới sẽ được sử dụng trong tương lai.**

- 4. Số hiệu mạng (ASN) là số được sử**

dụng để định danh một mạng máy tính tham gia vào các hoạt động định tuyến chung trên Internet.

**5. Hệ thống máy chủ tên miền (DNS) là tập hợp các cụm máy chủ được kết nối với nhau để trả lời địa chỉ IP tương ứng với một tên miền khi được hỏi đến.**

## Chương II

### TÊN MIỀN

#### Điều 6. Cấu trúc tên miền

**1. Tên miền .VN là tên miền quốc gia cấp cao nhất được quy định cho các máy chủ Internet đăng ký tại Việt Nam.**

**2. Tên miền chung cấp 2 (gSLD) là các tên miền phân theo lĩnh vực, gồm các tên miền sau đây:**

- a) COM.VN: Dành cho tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại.

- b) BIZ.VN: Dành cho các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh, tương đương với tên miền COM.VN.

- c) EDU.VN: Dành cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- d) GOV.VN: Dành cho các cơ quan, tổ chức nhà nước ở trung ương và địa phương.

- e) NET.VN: Dành cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực thiết lập và cung cấp các dịch vụ trên mạng.

- f) ORG.VN: Dành cho các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực chính trị, văn hóa xã hội.



g) INT.VN: Dành cho các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

h) AC.VN: Dành cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu.

i) PRO.VN: Dành cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong những lĩnh vực có tính chuyên ngành cao.

j) INFO.VN: Dành cho các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phân phối, cung cấp thông tin.

k) HEALTH.VN: Dành cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực dược, y tế.

l) NAME.VN: Dành cho tên riêng của cá nhân tham gia hoạt động Internet.

m) Những tên miền khác do Bộ Bưu chính, Viễn thông quy định.

**3. Các tên miền cấp 2 theo địa giới hành chính là tên miền Internet được đặt theo tên các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Tên miền cấp 2 theo địa giới hành chính được viết theo tiếng Việt hoặc tiếng Việt không dấu.**

### **Điều 7. Tên miền tiếng Việt**

1. Tên miền tiếng Việt là các tên miền cấp 2 dưới tên miền quốc gia .VN viết theo tiếng Việt hoặc tên miền cấp 3 dưới tên miền cấp 2 theo địa giới hành chính viết theo tiếng Việt.

2. Tên miền tiếng Việt gồm các ký tự được quy định trong bảng mã tiếng Việt theo tiêu chuẩn TCVN 6909: 2001 và các ký tự nằm trong bảng mã mở rộng của tiếng Việt theo tiêu chuẩn nói trên,

không viết tắt toàn bộ tên miền, rõ nghĩa trong ngôn ngữ tiếng Việt.

3. Trung tâm Internet Việt Nam hướng dẫn chi tiết việc đăng ký và sử dụng tên miền tiếng Việt.

### **Điều 8. Nguyên tắc đăng ký tên miền**

#### **1. Nguyên tắc chung:**

a) Khuyến khích sử dụng rộng rãi tên miền dưới tên miền quốc gia .VN.

b) Đăng ký theo nguyên tắc bình đẳng không phân biệt. Tổ chức, cá nhân đăng ký trước được xét cấp trước.

c) Tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng tên miền phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mục đích sử dụng và tính chính xác của các thông tin cung cấp cho Trung tâm Internet Việt Nam và đảm bảo việc đăng ký, sử dụng tên miền không xâm phạm các quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác có trước ngày đăng ký.

d) Khi đăng ký tên miền phải cung cấp đầy đủ thông tin về máy chủ tên miền mà nó được đặt hoặc tên miền đích mà nó trở tới.

e) Việc thiết lập các báo điện tử và trang thông tin trên cơ sở các tên miền đã được đăng ký phải tuân theo các quy định của pháp luật về quản lý báo chí, xuất bản và quản lý nội dung thông tin trên Internet.

#### **2. Những nguyên tắc cụ thể:**

a) Các tổ chức trong nước hoặc nước ngoài tham gia hoạt động Internet được đăng ký sử dụng tên miền cấp 2 dưới tên



miền quốc gia .VN, trừ các tên miền chung cấp 2 (gSLD) được quy định tại Điều 6 của Quy định này.

b) Các tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài tham gia hoạt động Internet được đăng ký sử dụng tên miền cấp 3 sau tên miền cấp 2 dưới tên miền quốc gia .VN.

c) Các cơ quan Đảng, Nhà nước chỉ được đăng ký sử dụng tên miền dưới tên miền quốc gia .VN và lưu giữ thông tin trong các máy chủ có địa chỉ IP ở Việt Nam.

d) Các tổ chức chính trị xã hội và cơ quan báo chí, xuất bản của Việt Nam phải đăng ký sử dụng tên miền dưới tên miền quốc gia .VN và có thể đăng ký sử dụng thêm đồng thời tên miền dưới tên miền chung cấp cao nhất (gTLD) và tên miền dưới tên miền quốc gia cấp cao nhất (ccTLD).

e) Khi được cấp tên miền cấp 2 dưới tên miền quốc gia .VN, các cơ quan, tổ chức, nếu có nhu cầu, chỉ được phân bổ tên miền cấp 3 dưới tên miền cấp 2 của mình cho các thành viên của cơ quan, tổ chức mình để sử dụng nội bộ, đồng thời phải có trách nhiệm quản lý các tên miền dưới tên miền của mình và tạm ngừng hoặc thu hồi các tên miền đó khi có yêu cầu của Bộ Bưu chính, Viễn thông.

f) Khi được cấp tên miền cấp 2 dưới tên miền quốc gia .VN, các IXP, ISP, ICP, OSP được cấp tên miền cấp 3 dưới các tên miền cấp 2 của mình cho mục đích kinh doanh hoặc cho khách hàng sử dụng dịch vụ Internet chỉ trong trường

hợp nếu được VNNIC chọn là nhà đăng ký tên miền.

g) Các cơ quan, tổ chức không nằm trong quy định của điểm 2.c, điểm 2.d của điều này và cá nhân được đăng ký sử dụng tên miền dưới tên miền chung cấp cao nhất (gTLD) hoặc tên miền quốc gia cấp cao nhất (ccTLD). Các tổ chức, cá nhân chỉ được đưa vào sử dụng các tên miền dưới các tên miền cấp cao nhất này sau 24 giờ kể từ khi thông báo cho Trung tâm Internet Việt Nam biết tại website <http://www.gtld.info.vn>.

### **Điều 9.** Nguyên tắc đặt tên miền

1. Tên miền là do cơ quan, tổ chức, cá nhân tự chọn, tuân theo quy định của pháp luật hiện hành và các quy định nêu trong Quy định này.

2. Tên miền đăng ký không được bao gồm các cụm từ xâm phạm đến lợi ích quốc gia hoặc không phù hợp với đạo đức xã hội, với nếp sống, văn hóa dân tộc.

3. Tránh đăng ký các tên miền liên quan tới tên các địa danh, danh nhân, lãnh tụ, tổ chức liên chính phủ, tổ chức chính trị xã hội hay các tên chung của một ngành kinh tế, tên chủng loại hàng hóa, sản phẩm. Trong trường hợp có nhu cầu đăng ký cần có sở cứ rõ ràng.

4. Tên miền đăng ký được chứa các ký tự từ A đến Z; 0 đến 9 và các ký tự tiếng Việt trong bảng chữ cái tiếng Việt. Các ký tự này không phân biệt viết hoa hay viết thường.

5. Tên miền đăng ký được chứa ký tự “-” nhưng không được bắt đầu hoặc kết thúc với các ký tự này.



6. Tên miền đăng ký không được bắt đầu bằng ký tự "xn--".

7. Tên miền đăng ký phải chứa ít nhất 3 ký tự và không nhiều hơn 63 ký tự.

### **Điều 10. Nhà đăng ký tên miền**

1. Nhà đăng ký tên miền là tổ chức cung cấp dịch vụ đăng ký tên miền quốc gia .VN được Trung tâm Internet Việt Nam chỉ định trên cơ sở lựa chọn theo nhu cầu phát triển dịch vụ đăng ký tên miền và các tiêu chuẩn quy định.

2. Các tổ chức được Trung tâm Internet Việt Nam xem xét lựa chọn thực hiện dịch vụ đăng ký tên miền nếu đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Là tổ chức Việt Nam hoặc nước ngoài có tư cách pháp nhân đầy đủ, rõ ràng theo quy định của pháp luật..

b) Có năng lực tài chính, kỹ thuật, nhân sự đáp ứng được khả năng cung cấp dịch vụ đăng ký tên miền quốc gia .VN theo yêu cầu của Trung tâm Internet Việt Nam.

3. Nhà đăng ký tên miền được ủy quyền tiếp nhận việc đăng ký tên miền, nộp phí và lệ phí tên miền và hưởng hoa hồng theo quy định hiện hành, đồng thời có trách nhiệm thực hiện quy chế quản lý nhà đăng ký tên miền do Trung tâm Internet Việt Nam ban hành.

### **Điều 11. Thủ tục đăng ký tên miền**

#### **1. Hồ sơ đăng ký tên miền:**

a) Đối với cơ quan tổ chức Việt Nam và nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hồ sơ đăng ký bao gồm:

“Bản khai đăng ký tên miền” có chữ ký và con dấu của cơ quan, tổ chức xin đăng ký theo mẫu do Trung tâm Internet Việt Nam quy định.

b) Đối với cá nhân người Việt Nam và người nước ngoài đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam, hồ sơ đăng ký bao gồm:

- “Bản khai đăng ký tên miền” có chữ ký cá nhân xin đăng ký theo mẫu do Trung tâm Internet Việt Nam quy định.

- Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ khẩu thường trú đối với cá nhân người Việt Nam; hộ chiếu cùng thẻ thường trú hoặc chứng nhận tạm trú hoặc thẻ tạm trú do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đối với cá nhân người nước ngoài.

#### **2. Địa chỉ nhận hồ sơ:**

a) Đăng ký trực tiếp.

Khi đăng ký trực tiếp, hồ sơ nộp tại các cơ sở của Trung tâm Internet Việt Nam tại Hà Nội: 115 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy; tại thành phố Hồ Chí Minh: 27 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1; tại Đà Nẵng: 42 Trần Quốc Toản hoặc tại các nhà đăng ký tên miền được Trung tâm Internet Việt Nam lựa chọn.

b) Đăng ký trực tuyến qua mạng.

Đăng ký tại website <http://www.vnnic.net.vn>, hồ sơ gốc của các tổ chức, giấy tờ sao có công chứng của cá nhân vẫn phải được gửi về Trung tâm Internet Việt Nam.

3. Thời hạn trả lời kết quả hoặc cấp “Chứng nhận đăng ký tên miền” tối đa là

4 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

**4.** Thông báo kết quả cấp “Chứng nhận đăng ký tên miền” trên website <http://www.vnnic.net.vn>. Trong trường hợp từ chối cấp, Trung tâm Internet Việt Nam sẽ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**5.** Đối với tổ chức, cá nhân là người nước ngoài không sinh sống và làm việc tại Việt Nam: thực hiện các thủ tục đăng ký qua các nhà đăng ký tên miền do Trung tâm Internet Việt Nam chỉ định.

### **Điều 12.** Thay đổi tên miền

1. Thay đổi hoàn toàn tên miền là đăng ký một tên miền mới theo nguyên tắc đăng ký tên miền quy định tại Điều 8 của Quy định này. Trong trường hợp này tên miền cũ sẽ bị thu hồi.

2. Thay đổi các thông tin liên quan đến sự hoạt động và quản lý của tên miền như các thông số kỹ thuật, địa chỉ cơ quan, số điện thoại, số fax, email, v.v... Những thông tin thay đổi đó phải được điền vào “Bản khai thay đổi tên miền” do Trung tâm Internet Việt Nam quy định và gửi cho Trung tâm Internet Việt Nam trong vòng 30 ngày.

**Điều 13.** Trả lại, tạm ngừng, thu hồi tên miền

#### **1. Trả lại tên miền.**

Khi không còn nhu cầu sử dụng, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị trả lại tên miền gửi cho Trung tâm Internet Việt Nam.

#### **2. Tạm ngừng sử dụng tên miền trong các trường hợp sau:**

a) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm Quy định này.

b) Quá thời hạn thanh toán phí duy trì tên miền theo quy định.

#### **3. Thu hồi tên miền trong các trường hợp sau:**

a) Theo yêu cầu bằng văn bản của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp tên miền.

b) Vi phạm nghiêm cấm nêu trong Điều 2 của Quy định này hoặc thông tin cung cấp khi đăng ký tên miền không chính xác.

c) Tên miền sẽ bị thu hồi sau 30 ngày kể từ khi tạm ngừng mà cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn tiếp tục vi phạm.

d) Tên miền sẽ bị thu hồi sau thời hạn 60 ngày kể từ khi được cấp Chứng nhận đăng ký tên miền mà không hoạt động nếu không có lý do chính đáng.

#### **4. Gửi thông báo.**

Trung tâm Internet Việt Nam sẽ công bố việc trả lại, tạm ngừng hay thu hồi tên miền trên website <http://www.vnnic.net.vn> và thông báo bằng văn bản cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

### *Chương III*

#### **ĐỊA CHỈ IP VÀ SỐ HIỆU MẠNG**

**Điều 14.** Nguyên tắc cấp và sử dụng địa chỉ IP



1. Các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu thiết lập mạng kết nối với Internet được quyền xin cấp địa chỉ IP, số hiệu mạng để sử dụng và phân bổ lại cho khách hàng vào mục đích sử dụng trong mạng của mình. Việc xin cấp địa chỉ IP và số hiệu mạng từ các tổ chức quốc tế chỉ trong trường hợp được Bộ Bưu chính, Viễn thông cho phép bằng văn bản.

2. Địa chỉ IP được cấp đầy đủ cho nhu cầu sử dụng thực tế và có giá trị sử dụng trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Các cơ quan, tổ chức, tham gia hoạt động Internet phải thực hiện chính sách định tuyến và quảng bá các vùng địa chỉ này theo hướng dẫn của Trung tâm Internet Việt Nam; không được sử dụng những vùng địa chỉ IP nằm ngoài phạm vi Trung tâm Internet Việt Nam quản lý, phân bổ và không được phép định tuyến những địa chỉ đó trên mạng, trừ trường hợp kết nối với công quốc tế; phối hợp với hệ thống DNS quốc gia trong lĩnh vực kỹ thuật và chính sách định tuyến để đảm bảo Internet Việt Nam hoạt động an toàn, hiệu quả.

3. Quản lý, cấp địa chỉ IP sử dụng trên mạng Internet Việt Nam phải phù hợp với chính sách của các tổ chức quốc tế có thẩm quyền quy hoạch, phân bổ địa chỉ cho Việt Nam. Quá thời hạn 6 tháng kể từ ngày cấp phát, địa chỉ không được sử dụng trên mạng sẽ bị thu hồi, nếu không có lý do chính đáng.

4. Việc cấp thêm vùng địa chỉ mới chỉ được xem xét khi tỷ lệ sử dụng các vùng địa chỉ cũ đã tới ngưỡng quy định của Trung tâm Internet Việt Nam trên cơ sở

số liệu báo cáo định kỳ về hiện trạng sử dụng địa chỉ.

## **Điều 15.** Thủ tục cấp địa chỉ Internet

### **1. Hồ sơ gửi cho Trung tâm Internet Việt Nam bao gồm:**

a) “Đơn xin cấp Địa chỉ Internet” theo mẫu do Trung tâm Internet Việt Nam quy định.

b) Quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản gốc hoặc bản sao có công chứng).

### **2. Địa chỉ nhận hồ sơ:**

Các cơ sở của Trung tâm Internet Việt Nam tại Hà Nội: 115 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy; tại thành phố Hồ Chí Minh: 27 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1; tại Đà Nẵng: 42 Trần Quốc Toản.

3. Thời hạn trả lời kết quả hoặc cấp “Quyết định cấp địa chỉ” cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp từ chối cấp, Trung tâm Internet Việt Nam sẽ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## **Điều 16.** Nguyên tắc cấp và sử dụng Số hiệu mạng (ASN)

1. Theo nhu cầu sử dụng thực tế của các tổ chức.

2. Sử dụng số hiệu mạng vào vùng địa chỉ IP của Việt Nam với chính sách định tuyến độc lập, kết nối với những nhà cung cấp dịch vụ có chính sách định tuyến khác nhau.

3. Các tổ chức được cấp số hiệu mạng



chỉ được sử dụng số hiệu mạng đó trong phạm vi mạng của mình.

4. Số hiệu mạng sẽ bị thu hồi nếu quá thời hạn 6 tháng số hiệu mạng đó không được đưa vào sử dụng trên Internet, nếu không có lý do chính đáng.

#### **Điều 17. Thủ tục cấp số hiệu mạng**

##### **1. Hồ sơ gửi cho Trung tâm Internet Việt Nam bao gồm:**

a) “Đơn xin cấp Số hiệu mạng” theo mẫu do Trung tâm Internet Việt Nam quy định.

b) Quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản gốc hoặc bản sao có công chứng).

##### **2. Địa chỉ nhận hồ sơ:**

Các cơ sở của Trung tâm Internet Việt Nam tại Hà Nội: 115 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy; tại thành phố Hồ Chí Minh: 27 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1; tại Đà Nẵng: 42 Trần Quốc Toản.

3. Thời hạn trả lời kết quả hoặc cấp “Quyết định cấp số hiệu mạng” cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đăng ký chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp từ chối cấp, Trung tâm Internet Việt Nam sẽ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### *Chương IV*

### **GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 18. Giải quyết khiếu nại**

1. Khi có khiếu nại về việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, các bên liên quan có thể gửi văn bản yêu cầu Trung tâm Internet Việt Nam giải quyết. Khi nhận được văn bản yêu cầu, Trung tâm Internet Việt Nam có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Nếu khiếu nại có liên quan đến việc cấp tên miền xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác có trước ngày đăng ký, Trung tâm Internet Việt Nam khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các bên liên quan tự thỏa thuận giải quyết.

3. Trong trường hợp không tự thỏa thuận được, Trung tâm Internet Việt Nam giải quyết khiếu nại theo thủ tục sau.

a) Thời hiệu khiếu nại lần đầu là 90 ngày, kể từ ngày người khiếu nại biết được quyết định cấp giấy chứng nhận đăng ký tên miền bị khiếu nại. Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được đơn khiếu nại hợp lệ, Trung tâm Internet Việt Nam có trách nhiệm thụ lý giải quyết khiếu nại và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại biết. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý.

b) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Giám đốc Trung tâm Internet Việt Nam ra quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, nếu các bên có liên quan không đồng ý, thì có quyền khiếu nại lên Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông hoặc khởi kiện ra Tòa theo quy định của pháp luật.

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được đơn khiếu nại hợp lệ, Bộ Bưu chính, Viễn thông có trách nhiệm thụ lý giải quyết khiếu nại và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại biết. Thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý.

d) Trung tâm Internet Việt Nam và Bộ Bưu chính, Viễn thông có thể thành lập Hội đồng giải quyết khiếu nại gồm các chuyên gia đã qua thực tế công tác từ 5 năm trở lên trong lĩnh vực pháp luật, am hiểu về tài nguyên Internet để xem xét và tư vấn cho việc ra quyết định giải quyết khiếu nại.

e) Quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng theo quy định của Luật Khiếu nại và Tố cáo.

### **Điều 19. Xử lý vi phạm**

Mọi vi phạm "Quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet" sẽ bị xử phạt theo Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng Internet; Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện; Thông tư số 05/2004/TT-BBCVT ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Bộ Bưu chính, Viễn thông hướng

dẫn thực hiện một số điều về xử lý vi phạm hành chính và khiếu nại, tố cáo quy định tại Chương IV Nghị định số 55/2001/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng dịch vụ Internet và các quy định pháp luật khác có liên quan.

## *Chương V*

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 20. Điều khoản thi hành.**

1. Các đối tượng quy định tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng theo các điều khoản của Quy định này.

#### **2. Trung tâm Internet Việt Nam chịu trách nhiệm:**

a) Hướng dẫn, kiểm tra, các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động Internet thực hiện đúng theo bản Quy định này.

b) Ban hành các biểu mẫu, hướng dẫn liên quan tới việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

c) Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phản ánh kịp thời về Bộ Bưu chính, Viễn thông để xem xét, bổ sung, sửa đổi./.

BỘ TRƯỞNG

**Đỗ Trung Tá**